

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác
trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 127/TTr-SNN ngày 07 tháng 8 năm 2018, Báo cáo thẩm định số 41/BCTĐ-STP ngày 09 tháng 7 năm 2018 và Báo cáo thẩm định số 45/BCTĐ-STP ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về phạm vi vùng phụ cận các công trình thủy lợi sau:

1. Công trình trên kênh.
2. Bờ bao thủy lợi.
3. Trạm bơm.
4. Công trình phục vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi.
5. Kênh có lưu lượng nhỏ hơn $2m^3/s$.
6. Kênh không có bờ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hải Phòng.



Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Bờ bao thủy lợi: là công trình phân vùng, ngăn nước để bảo vệ cho một khu vực, bờ bao thủy lợi có thể là bờ kênh kết hợp hoặc bờ bao độc lập.

2. Công trình trên kênh: Là những công trình cống, đập, xi phông, cầu máng được xây dựng trong lòng kênh, hai bên bờ kênh có nhiệm vụ dẫn nước, điều tiết nước.

3. Công trình phục vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi, gồm: Văn phòng, nhà điều hành, bến bãi, kho.

4. Vùng phụ cận: Là phạm vi tiếp giáp công trình thủy lợi được quy định áp dụng đối với từng loại công trình nhằm bảo vệ an toàn công trình. Vùng phụ cận còn được gọi là hành lang bảo vệ công trình.

5. Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi bao gồm công trình và vùng phụ cận.

Điều 4. Phạm vi vùng phụ cận của công trình thủy lợi

1. Công trình trên kênh, phạm vi vùng phụ cận tính từ điểm xây đúc ngoài cùng của công trình hoặc điểm gia cố bảo vệ ngoài cùng của công trình trở ra là 3 m về mọi phía.

2. Bờ bao thủy lợi

a) Bờ bao độc lập, phạm vi vùng phụ cận tính từ chân bờ trở ra mỗi phía 02 m.

b) Bờ kênh kết hợp, phạm vi vùng phụ cận xác định như đối với kênh quy định tại khoản 4 Điều 40 Luật Thủy lợi hoặc khoản 5 Điều này.

3. Trạm bơm

a) Khu vực trạm bơm đã có hàng rào bảo vệ hoặc mốc chỉ giới bảo vệ công trình: Phạm vi bảo vệ công trình được xác định bằng hàng rào bảo vệ hoặc các mốc chỉ giới bảo vệ công trình.

b) Khu vực trạm bơm chưa có hàng rào bảo vệ hoặc mốc chỉ giới bảo vệ công trình: Phạm vi bảo vệ công trình được tính gồm toàn bộ diện tích đất được Nhà nước giao khi xây dựng và đưa công trình vào sử dụng.

4. Công trình phục vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi

a) Khu vực Công trình phục vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi đã có hàng rào bảo vệ hoặc mốc chỉ giới bảo vệ công trình, phạm vi bảo vệ công trình được xác định bằng hàng rào bảo vệ hoặc các mốc chỉ giới bảo vệ công trình.

b) Khu vực Công trình phục vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi chưa có hàng rào bảo vệ hoặc mốc chỉ giới bảo vệ công trình, phạm vi bảo vệ công trình được tính gồm toàn bộ diện tích đất được Nhà nước giao khi xây dựng và đưa công trình vào sử dụng.



5. Kênh có bờ kênh có lưu lượng nhỏ hơn $02 \text{ m}^3/\text{s}$, phạm vi vùng phụ cận được tính từ chân mái ngoài trở ra từ 01m đến 02 m đối với kênh đất, từ $0,5 \text{ m}$ đến 01 m đối với kênh kiên cố.

6. Kênh không có bờ kênh (trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này), phạm vi vùng phụ cận được tính từ giao tuyến giữa mái trong kênh với mặt đất tự nhiên và được xác định như sau:

a) Đối với những đoạn kênh không có bờ kênh, phạm vi vùng phụ cận được xác định bằng khoảng cách của từng loại kênh theo quy định tại khoản 4 Điều 40 Luật Thủy lợi hoặc khoản 5 Điều này và cộng thêm khoảng cách bằng chiều rộng bờ kênh thiết kế của đoạn kênh có bờ cùng tuyến.

b) Trường hợp toàn tuyến kênh không có bờ kênh, vùng phụ cận được xác định bằng khoảng cách của từng loại kênh theo quy định tại khoản 4 Điều 40 Luật Thủy lợi hoặc khoản 5 Điều này và cộng thêm khoảng cách bờ kênh tối thiểu theo Quy chuẩn, Tiêu chuẩn thiết kế kênh hiện hành.

7. Kênh kiên cố không có bờ kênh, phạm vi vùng phụ cận được xác định bằng khoảng cách vùng phụ cận của từng loại kênh kiên cố theo quy định tại khoản 4 Điều 40 Luật Thủy lợi hoặc khoản 5 Điều này và cộng thêm khoảng cách tối thiểu bằng 01m tính từ phần xây đúc cuối cùng trở ra.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2018 và thay thế Quyết định số 1025/2013/QĐ-UBND ngày 10/6/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, ban ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; Giám đốc các Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQP-L-BTP
- TTTU, TT HĐND thành phố;
- Đoàn ĐBQH TP Hải Phòng;
- CT, các PCT UBND TP;
- VP UBND TP;
- Sở Tư pháp;
- Báo Hải Phòng, Công TTĐT TP, Đài PTTHHP;
- Công báo thành phố;
- Như Điều 6;
- CV: NN, TL;
- Lưu: VT. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng